

Số: 34/2026/QĐST-DS

Hưng Hà, ngày 22 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02/7/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 118/2026/TLST- DS, ngày 15 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hoàng Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: ông Trần Huy H - Luật sư của công ty L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H.

2. Bị đơn:

2.1. bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1968

2.2. ông Hoàng Đình Đ, sinh năm 1971

2.3. ông Hoàng Đình T2, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. bà Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn C (thôn Q cũ), xã T, tỉnh Hưng Yên.

3.2. bà Hoàng Thị N, sinh năm 1983

3.3. bà Tạ Thị L, sinh năm 1989

Đều ở địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

3.4. UBND xã T, tỉnh Hưng Yên

- Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Xuân Đ2 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông **Vũ Xuân Q** - Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế **xã T**.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định di sản thừa kế của cụ **Hoàng Đình M** và cụ **Hoàng Thị L1** là diện tích đất 407 m² đất ở và đất LNK, trong đó 305 m² là đất ở và 102 m² là đất LNK tại các thửa đất số 359 ghi tên người sử dụng ông **Hoàng Đình Đ** và bà **Hoàng Thị N**; thửa đất số 360 ghi tên người sử dụng bà **Hoàng Thị T1** và thửa đất số 361 ghi tên người sử dụng ông **Hoàng Đình M** và bà **Hoàng Thị L1** các thửa đất trên đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 5, địa chỉ **thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên** (theo đo đạc hiện trạng năm 2008). Giá đất ở tại thửa số 361 là 9.000.000 đồng/m²; giá đất ở tại thửa số 360 là 1.900.000 đồng/m²; giá đất ở tại thửa số 359 là 1.900.000 đồng/m²; đất LNK là 85.000 đồng/m². Các thửa đất trên đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc của các thửa đất nêu trên theo bản đồ 299 đo đạc năm 1986 và sổ đăng ký ruộng đất là thửa đất 452 tờ bản đồ địa chính số 03, diện tích 305 m²; loại đất (T) 102 m² đất LNK do quy đổi ruộng ngoài đồng của cụ **M**, cụ **L1** và ông **T2**; địa chỉ thửa đất: **thôn T, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã T, tỉnh Hưng Yên**.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ **Hoàng Đình M** là năm 2009 và cụ **Hoàng Thị L1** là năm 2016. Trước khi chết cụ **Hoàng Đình M** và cụ **Hoàng Thị L1** đều không để lại di chúc.

3. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ **Hoàng Đình M** và cụ **Hoàng Thị L1** gồm: ông **Hoàng Đình Đ**, bà **Hoàng Thị T1**, bà **Hoàng Thị Đ1**, ông **Hoàng Đình T2** và bà **Hoàng Thị Trịnh**.

4. Các đương sự thống nhất di sản thừa kế của cụ **Hoàng Đình M** và cụ **Hoàng Thị L1** được phân chia như sau:

4.1. Ông **Hoàng Đình Đ** được quyền sử dụng diện tích đất 101,8 m² tại thửa thửa đất số 361 và một phần thửa đất số 362 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2008), ký hiệu S2; trong đó có 76,3 m² đất ONT và 25,5 m² đất LNK; trị giá di sản thừa kế ông **Hoàng Đình Đ** được hưởng là 418.002.500 đồng và sở hữu các tài sản trên đất, đất có các chiều số đo (có sơ đồ kèm theo) như sau:

- Phía Đông giáp lối đi chung từ điểm 4 đến điểm 5 đến điểm 6 dài 14,08 m + 6,40 m.
- Phía Tây giáp đất lối đi chung từ điểm 3 đến điểm 24 đến điểm 23 dài 11,97 m + 9,53 m.
- Phía Nam giáp đất lối đi chung từ điểm B đến điểm 6 đến điểm 23 dài 4,93 m.
- Phía Bắc giáp **đường Đ** A từ điểm 3 đến điểm 4 dài 4,91m.

4.2. Ông **Hoàng Đình T2** được quyền sử dụng diện tích đất 145,0 m² tại thửa thửa đất số 361 và một phần thửa đất số 362 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2008), ký hiệu S1; trong đó có 108,7 m² đất ONT và 36,3 m² đất LNK; trị

giá di sản thừa kế của ông **Hoàng Đình T2** được hưởng là 981.385.000 đồng và sở hữu các tài sản trên đất, đất có các chiều số đo (có sơ đồ kèm theo) như sau:

- Phía Đông giáp lối đi chung từ điểm 2 đến điểm 22 đến điểm 21 dài 5,73 m + 18,0 m.
- Phía Tây giáp đất ghi tên bà **Nguyễn Thị Thơ T3** điểm 1 đến điểm 20 đến điểm 19 đến điểm 18 đến điểm 17 đến điểm 16 dài 6,61 m + 5,87 m + 4,14 m + 0,73 m + 5,57 m .
- Phía Nam giáp đất bà **T** và bà **T1** được chia từ điểm 16 đến điểm 21 dài 5,96 m.
- Phía Bắc giáp đường DH 64 A từ điểm 1 đến điểm 2 dài 5,46 m.

4.3. Bà **Hoàng Thị T1** và bà **Hoàng Thị T** được quyền đồng sử dụng diện tích đất 107,8 m² tại thửa đất số 359 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2008), ký hiệu S3; trong đó có 80,8 m² đất ONT và 27 m² đất LNK; trị giá di sản thừa kế bà **Hoàng Thị T** và **Hoàng Thị T1** được hưởng là 155.815.000 đồng và sở hữu các tài sản trên đất, đất có các chiều số đo (có sơ đồ kèm theo) như sau:

- Phía Đông giáp lối đi chung từ điểm 25 đến điểm 26 đến dài 11,07 m.
- Phía Tây giáp đất ghi tên bà **Đỗ Thị M1** từ điểm 15 đến điểm 16 dài 9,93 m + 5,87 m + 4,14 m + 0,73 m + 5,57 m.
- Phía Nam giáp đất do **UBND xã T** quản lý từ điểm 15 đến điểm 26 dài 10,05 m.
- Phía Bắc giáp một phần đất ông **T2** được chia và một phần đất lối đi chung từ điểm 16 đến điểm 21 đến điểm 25 dài 5,96 m + 4,60 m.

4.4. Ông **Hoàng Đình Đ**, ông **Hoàng Đình T4**, bà **Hoàng Thị T1** và bà **Hoàng Thị T** được quyền sử dụng chung diện tích đất 52,4 m² tại thửa đất số 359, 360 và thửa đất số 361 (theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2008); trong đó có 39,3 m² đất ONT và 13,1 m² đất LNK để làm lối đi chung. Trị giá di sản thừa kế là ngõ đi chung ông **Đ**, ông **T4**, bà **T** và bà **T1** được hưởng là 215.298.500 đồng và được sở hữu các tài sản trên đất, đất có các chiều số đo (có sơ đồ kèm theo) như sau:

- Phía Đông giáp một phần đất ông **Đ** được chia từ điểm 3 đến điểm 24 đến điểm 23; từ điểm 6 đến điểm 7 đến điểm 8, một phần giáp lối đi vào nhà ông **H1** và một phần giáp đất ông **H1** dài 11,97 m + 9,53 m + 2,00 m + 0,70 m.
- Phía Tây giáp ông **T4** được chia từ điểm 1 đến điểm 19 đến điểm 20 đến điểm 19 đến điểm 18 đến điểm 17 đến điểm 16 dài 5,73 m + 18,0 m.
- Phía Nam giáp giáp một phần đất bà **T1** và bà **T** được chia từ điểm 21 đến điểm 25 và từ điểm 26 đến điểm 10 dài 4,60 m và một phần giáp đất do **UBND xã T** quản lý dài 1,50 m.
- Phía Bắc giáp đường giao thông và một phần giáp đất ông **Đ** được chia từ điểm 2 đến điểm 3 và từ điểm 23 đến điểm 6 dài 1,05 m + 4,93 m.

4.5. Về trách nhiệm thanh toán: ông **T4**, ông **Đ** và bà **Đ1** tự thỏa thuận về giá trị thanh toán chênh lệch, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Về chi phí tố tụng: Buộc ông **Đ**, ông **T4**, bà **T1** mỗi người phải trả cho bà **T** số tiền là 3.280.000 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

IV. Về án phí: ông **Hoàng Đình Đ** phải chịu 10.360.050 đồng (Mười triệu ba trăm sáu mươi nghìn không trăm linh năm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông **Hoàng Đình T2** phải chịu 13.360.050 đồng (Mười ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn không trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà **Hoàng Thị T** phải chịu 1.345.615 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm mười lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà **Hoàng Thị T1**.

VI. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- VKSNDKV8 - Hưng Yên;
- Phòng THADSKV8 - Hưng Yên;
- Lưu HC-TP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Thủy